



NGHIÊN CỨU QUYẾT ĐỊNH THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ƯƠM TẠO CỦA CÁC DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP Ở ĐẠI HỌC HUẾ

Hoàng Kim Toàn*, Nguyễn Văn Huân, Đào Thị Thùy Trang
Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, số 20 Lê Lợi, tp Huế, Việt Nam

Hoàng Triệu Huy
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, số 99 Hồ Đắc Di, tp Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: **Hoàng Kim Toàn** <hoangkimtoan@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 05-05-2023; Ngày chấp nhận đăng: 27-09-2023)

Tóm tắt. Nghiên cứu tập trung vào hiện trạng và nhu cầu ươm tạo dự án khởi nghiệp tại Đại học Huế, bằng việc khảo sát 436 đối tượng và sử dụng phần mềm thống kê SPSS 20.0 để xử lý dữ liệu. Nghiên cứu đã thực hiện cả phân định tính và định lượng, với mục tiêu xây dựng và kiểm chứng mô hình về yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia ươm tạo dự án khởi nghiệp. Kết quả cho thấy rằng cả bốn yếu tố đại diện (đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp, hoạt động cố vấn, cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ, và đào tạo kỹ năng chuyên sâu) đều có ảnh hưởng đến quyết định tham gia ươm tạo dự án khởi nghiệp, với mức độ ảnh hưởng từ mạnh đến yếu.

Từ khóa: ươm tạo, chương trình ươm tạo, quyết định, dự án khởi nghiệp

RESEARCH ON THE DECISION TO PARTICIPATE IN INCUBATION PROGRAMS OF STARTUP PROJECTS AT HUE UNIVERSITY

Hoang Kim Toan*, Nguyen Van Huan, Dao Thi Thuy Trang
Center for Entrepreneurship and Innovation, No. 20 Le Loi, Hue

Hoang Trieu Huy
College of Economics, Hue University No. 99 Ho Dac Di, Hue

*Correspondence to **Hoang Kim Toan** <hoangkimtoan@hueuni.edu.vn>

(Received: May 05, 2023; Accepted: September 27, 2023)

Summary. The research focuses on the current status and need for incubating startup projects at Hue University, through surveying 436 subjects and processing data using SPSS 20.0 statistical software. The study conducts both qualitative and quantitative analysis to build and validate a model of factors affecting the decision to participate in incubating a startup project. The results show that all four representative factors (training on start-up support tools, consulting activities, providing resources and support services, and professional skills training) have an impact on deciding to participate in the incubation of startup projects, with different levels of influence from strong to weak.

Keywords: incubation, startup projects, entrepreneurial enterprises, science & technologies enterprises

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, hệ sinh thái khởi nghiệp đang phát triển mạnh mẽ với hàng nghìn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và nhiều cơ sở ươm tạo khởi nghiệp, thể hiện tinh thần khởi nghiệp cao [1]. Tuy nhiên, theo đánh giá của Cơ quan Thương mại và Đầu tư của Chính phủ Australia, mặc dù Việt Nam nằm trong top 3 Đông Nam Á về số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp, chỉ khoảng 3% đạt được thành công kế hoạch kinh doanh. Sự không tương thích giữa khát vọng và hành động đã tạo ra khoảng cách lớn [2]. Thêm vào đó, chất lượng sáng lập viên về kỹ năng quản trị và đánh giá ý tưởng còn hạn chế, dẫn đến sự cần thiết của các chương trình ươm tạo để hỗ trợ giai đoạn đầu phát triển.

Đại học Huế đã thực hiện chương trình ươm tạo dự án khởi nghiệp kể từ năm 2018, nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế trong cộng đồng học thuật và xã hội. Mặc dù đã có những thành tựu, nhưng vẫn tồn tại nhiều thách thức và yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia chương trình ươm tạo.

Hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia chương trình ươm tạo là cần thiết để tạo động lực tham gia hiệu quả. Nghiên cứu tập trung vào việc tìm hiểu và phân tích những yếu tố này, nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình ươm tạo và hỗ trợ phát triển bền vững từ Đại học Huế. Bằng cách làm rõ nguyên nhân và cơ chế hậu thuẫn cho sự

tham gia, nghiên cứu sẽ góp phần giúp định hình một môi trường thích hợp để tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ của các dự án khởi nghiệp tại Đại học Huế.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Ươm tạo công nghệ

Theo định nghĩa của Tổ chức Phát triển Công nghệ Liên Hợp Quốc (UNIDO), công nghệ là việc áp dụng kiến thức khoa học vào công nghiệp bằng cách sử dụng kết quả nghiên cứu. ESCAP – Ủy ban Kinh tế Xã hội châu Á Thái Bình Dương Liên Hợp Quốc định nghĩa công nghệ như kiến thức hệ thống về quy trình và kỹ thuật để chế biến vật liệu và thông tin. Luật Chuyển giao công nghệ 2017 (Khoản 2 Điều 2) và định nghĩa Ươm tạo công nghệ (Khoản 12 Điều 2) cho thấy công nghệ liên quan đến biến đổi nguồn lực thành sản phẩm và Ươm tạo công nghệ liên quan đến quá trình tạo, hoàn thiện, và thương mại hóa công nghệ.

Chương trình ươm tạo dự án khởi nghiệp

Chương trình ươm tạo dự án khởi nghiệp là hoạt động hỗ trợ các dự án khởi nghiệp từ giai đoạn phát triển ý tưởng, hoàn thiện dự án cho đến khi ra thị trường. Chương trình này giúp các dự án khởi nghiệp xác định mô hình kinh doanh và định hướng phát triển, kết nối với các nhà đầu tư, cung cấp đào tạo và dịch vụ hỗ trợ. Nó cung cấp một môi trường để các dự án khởi nghiệp phát triển và tạo điều kiện thuận lợi để vượt qua các thách thức ban đầu [3].

Quyết định tham gia

Theo Cassar, quyết định tham gia trong ngữ cảnh ươm tạo khởi nghiệp là quá trình mà cá nhân hoặc nhóm người đánh giá và lựa chọn liệu có tham gia vào các hoạt động khởi nghiệp hay không. Điều này liên quan đến việc xem xét các tùy chọn có sẵn, đánh giá khả năng và rủi ro, và cuối cùng đưa ra quyết định dựa trên một số yếu tố. Quyết định tham gia có thể áp dụng cho nhiều khía cạnh khác nhau của quá trình khởi nghiệp, bao gồm việc chọn ý tưởng kinh doanh, tham gia vào chương trình ươm tạo khởi nghiệp, hoặc tạo ra một doanh nghiệp mới từ đầu [4].

Trong việc quyết định tham gia, những yếu tố quan trọng có thể bao gồm khả năng sáng tạo của người tham gia, kiến thức về lĩnh vực kinh doanh, khả năng thích ứng với môi trường khởi nghiệp, và sự đánh giá về cơ hội và rủi ro. Ngoài ra, quyết định tham gia cũng có thể phụ

thuộc vào việc xem xét các lợi ích ngắn hạn và dài hạn của việc tham gia vào hoạt động khởi nghiệp, theo Davidsson và Honig [5].

Mô hình nghiên cứu đề xuất những yếu tố tác động đến quyết định tham gia ươm tạo

Căn cứ vào tổng quan nghiên cứu và một số vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến hiện trạng, nhu cầu của các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, tác giả đề xuất mô hình gồm các yếu tố:

Yếu tố về hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp: Là việc cung cấp các khóa đào tạo giúp người tham gia chương trình ươm tạo nắm vững những kiến thức và kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp thành công. Đây là một phần quan trọng của hoạt động ươm tạo, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong việc xây dựng mô hình kinh doanh, phát triển sản phẩm hoặc dịch vụ, tạo ra kế hoạch tiếp thị và quản lý, và nắm bắt cơ hội thị trường [5]. Nghiên cứu của Aloulou và Wassim J cũng chứng minh rằng hầu hết một trong những dịch vụ của vườn ươm phổ biến là trợ giúp các kiến thức cơ bản trong đó có đào tạo xây dựng mô hình kinh doanh, trợ giúp nâng cao kỹ năng thuyết trình [6]. Al-Mubaraki và Busler cho rằng các dịch vụ của một vườn ươm doanh nghiệp công nghệ được chia thành bốn loại trong đó có hoạt động hỗ trợ xây dựng và lập kế hoạch kinh doanh [7].

Yếu tố về hoạt động đào tạo kỹ năng chuyên sâu: Là việc cung cấp cho các cá nhân tham gia chương trình ươm tạo những khóa học, hội thảo và hoạt động đào tạo tập trung vào những kỹ năng chuyên sâu và chuyên môn cụ thể liên quan đến lĩnh vực hoặc ngành mà họ đang phát triển. Theo Hansen và Mian, đây là một phần quan trọng của hoạt động ươm tạo, nhằm giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp nắm vững kiến thức và kỹ năng cần thiết để phát triển sản phẩm hoặc dịch vụ, tạo sự khác biệt và cạnh tranh trong thị trường. Hansen và Mian cũng cho rằng, các hoạt động hỗ trợ kinh doanh như huấn luyện, đào tạo là các yếu tố quan trọng để phát huy tinh thần, kiến thức khởi nghiệp của các startup [8]. Các nhóm tác giả Colombo và Grilli, Davidsson và Honig cũng cho rằng, các buổi đào tạo về các chủ đề liên quan đến khởi nghiệp có thể góp phần nâng cao kiến thức của các startup và tác động tích cực đến sự phát triển và hiệu suất hoạt động của dự án [8],[9],[10].

Al-Mubaraki và Busler cho rằng việc cung cấp các dịch vụ đào tạo, kỹ năng trình bày thu hút khách hàng và nhà đầu tư tại các cơ sở ươm tạo là cần thiết cho sự phát triển và tồn tại của startup [7]. Các vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cung cấp đào tạo về các kiến thức hỗ trợ phát triển dự án, thực hành các hoạt động về quản lý nhân sự, đào tạo các kỹ thuật, kỹ năng và

chia sẻ kinh nghiệm về các chiến lược kinh doanh để có tư duy phản biện thành công trong kinh doanh [6].

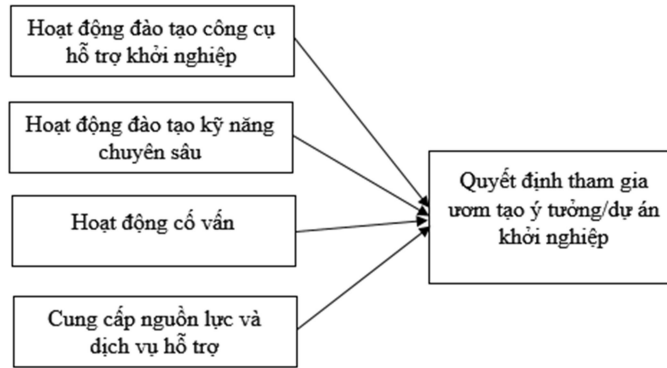
Yếu tố về hoạt động cố vấn: Đề cập đến việc cung cấp hỗ trợ cố vấn chuyên môn và hướng dẫn từ các chuyên gia có kinh nghiệm để giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp nắm bắt và áp dụng kiến thức cụ thể trong quá trình phát triển kinh doanh, theo Allen và Rahman. Các hoạt động cố vấn tập trung vào việc cung cấp các gợi ý, khuyến nghị, và chiến lược cho các cá nhân tham gia chương trình ươm tạo, nhằm giúp họ vượt qua các thách thức và khó khăn trong quá trình khởi nghiệp. Các sáng kiến hỗ trợ kết nối các cố vấn tư vấn 1-1 nhằm thúc đẩy quá trình học hỏi và phát triển kỹ năng của startup [8],[11].

Nghiên cứu của Nirnaya Tripathi và Markku Oivo cũng chứng minh cố vấn khởi nghiệp là người hướng dẫn và huấn luyện những người sáng lập khởi nghiệp và các thành viên trong nhóm để đạt được các kỹ năng cần thiết cho việc kinh doanh và phát triển sản phẩm [13].

Yếu tố về cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ: Là việc cung cấp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp các tài nguyên và dịch vụ thiết yếu để giúp họ vượt qua giai đoạn khởi đầu khó khăn và phát triển một cách bền vững. Yếu tố này tập trung vào việc đảm bảo rằng các doanh nghiệp khởi nghiệp có sẵn các điều kiện cơ sở vật chất và tài chính cần thiết để thúc đẩy sự phát triển kinh doanh của họ. Cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ trong chương trình ươm tạo có thể bao gồm: tài chính, văn phòng và cơ sở hạ tầng, dịch vụ tư vấn, trang thiết bị và công cụ.

Allen và Rahman cho rằng vườn ươm là một tổ chức ít nhiều phải đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm nuôi dưỡng các startup được ươm tạo cùng với các nguồn lực quan trọng để các startup có thể tồn tại và phát triển [11].

Nghiên cứu của Pals trên 17 quốc gia cũng cho rằng văn hóa vườn ươm hay các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp từ vườn ươm, đặc biệt là dịch vụ tư vấn kinh doanh thu hút được nhu cầu khởi nghiệp [14].



Hình 1. Sơ đồ mô hình nghiên cứu đề xuất

(Nguồn: Tác giả đề xuất)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Kích thước mẫu

Trong phân tích thống kê, mẫu phải đủ lớn để đảm bảo độ tin cậy nhất định. Kích thước mẫu đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc ước lượng và phân tích thống kê để đạt được các ước lượng tham số ổn định [15], [16]. Theo Kline, một số kích thước mẫu chính xác trong các phương pháp ước lượng có thể là nhỏ ($N < 100$), vừa (N từ 100 đến 200) và lớn ($N > 200$) [20]. Kích thước mẫu nhỏ nhất được đề xuất để đảm bảo những giải pháp ổn định là 100 đến 150 và với mẫu từ 200 trở lên có thể được đề xuất cho việc cung cấp một nền tảng vững chắc để ước lượng [15]. Ở nghiên cứu này sử dụng số mẫu lên đến 436 mẫu nên hoàn toàn đảm bảo được yêu cầu và giá trị của nghiên cứu.

Khung lấy mẫu: Tính tới thời điểm hiện tại, Thừa Thiên Huế chỉ mới có 4 doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoạt động, cũng chưa có doanh nghiệp khoa học và công nghệ nào được chứng nhận từ việc ứng dụng, triển khai, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học ở Đại học Huế. Thống kê tại ban Khoa học công nghệ và Quan hệ quốc tế Đại học Huế, trong vòng 5 năm trở lại đây từ năm 2017 đến năm 2021, Đại học Huế chủ trì khoảng 3.299 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

Nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính được thực hiện bằng thảo luận nhóm và thảo luận trực tiếp 1-1. Trong đó, đối tượng thảo luận là thành viên sáng lập các dự án khởi nghiệp trong Đại học Huế. Trong các buổi thảo luận, ý kiến của các thành viên tham gia đều được ghi nhận đầy đủ, làm cơ sở cho việc hiệu chỉnh mô hình, hiệu chỉnh thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia chương trình ươm tạo.

Kết quả nghiên cứu định tính thể hiện rằng, các thành viên tham gia thảo luận để thống nhất với 4 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp bao gồm: Đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp, hoạt động cố vấn, cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ, đào tạo kỹ năng chuyên sâu. Về Thang đo lường quyết định tham gia ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp, các thành viên tham gia thảo luận cũng đã cho các ý kiến để điều chỉnh câu văn phù hợp, bổ sung thêm biến và thống nhất với nhóm nghiên cứu thang đo như trong nội dung 3.2 bên dưới.

Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

Trong nghiên cứu này, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng để thu thập thông tin từ các đối tượng khảo sát. Mục tiêu của phương pháp này là để phân tích và đánh giá hiện trạng cũng như nhu cầu của các ý tưởng/dự án khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp về chương trình ươm tạo. Đặc biệt, nghiên cứu tập trung vào các ý tưởng/dự án tiềm năng hoặc các startup/doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng ứng dụng thực tiễn từ sản phẩm khoa học và công nghệ tại Đại học Huế. Phiếu khảo sát đã được thực hiện thông qua hình thức trực tuyến, kết hợp với cuộc gọi điện thoại trực tiếp để xác nhận và thu thập câu trả lời từ các đối tượng khảo sát (phiếu khảo sát được triển khai dưới dạng Google Form).

Phương pháp nghiên cứu còn bao gồm việc sử dụng các kỹ thuật thống kê mô tả như kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích tương quan hệ số Person, phân tích hồi quy đa biến, và T-test ANOVA để đánh giá và phân tích dữ liệu từ các đối tượng khảo sát.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả thống kê mô tả

Thống kê cho thấy các đối tượng nghiên cứu tham gia khảo sát có các ý tưởng/dự án khởi nghiệp thiên về nữ giới nhiều hơn chiếm tỷ lệ 58,9%, thời đại hiện nay niềm đam mê và năng lực lãnh đạo không chỉ nghiêng về phái nam mà ở phái nữ họ vẫn có tinh thần khởi nghiệp rất cao. Độ tuổi có các ý tưởng/dự án khởi nghiệp dao động trong khoảng 18-30 tuổi chiếm tỷ lệ

89%. Ngoài ra, không chỉ dừng lại ở các yếu tố khảo sát được nêu ra, một số đối tượng khác còn có cái nhìn tổng quát rộng hơn, đưa thêm được các yếu tố khác cần thiết cho quá trình phát triển ý tưởng/dự án như lợi ích ý tưởng/dự án trong thực tiễn, yếu tố nguồn nhân lực, kế hoạch thực hiện, mô hình hoạt động ươm tạo...

Tuy tỷ lệ đang trong giai đoạn có ý tưởng cao chiếm đến 76,4% nhưng các giai đoạn khác từ phát triển sản phẩm đến gọi vốn bổ sung vẫn chiếm tỷ lệ khá tiềm năng 23,6%, đây là một dấu hiệu khá vui mừng cho các tổ chức ươm tạo liên hệ và hỗ trợ cho nhóm đối tượng này có được những cơ hội để phát triển thành sản phẩm có khả năng thương mại hóa ra thị trường. Đây cũng là một trong các đối tượng tiềm năng mà đề tài nhắm đến để tiến hành sàng lọc, tuyển chọn tham gia vào chương trình ươm tạo dự án khởi nghiệp tổ chức tại Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo – Đại học Huế sắp tới với mục tiêu tìm kiếm hỗ trợ chứng nhận thành công ít nhất 02 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Bên cạnh đó, có đến 391/436 đối tượng khảo sát chiếm tỷ lệ 89,7% đã biết đến một chương trình ươm tạo/vườn ươm dự án khởi nghiệp trước đó; 73,4% đã từng tham gia ươm tạo các ý tưởng/dự án tại các chương trình ươm tạo/vườn ươm dự án khởi nghiệp và đáng quan tâm nhất là có đến 70,6% đối tượng muốn tham gia chương trình ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp trong tương lai, có thể thấy nhu cầu ươm tạo của các startup rất cao, đây sẽ là cơ sở để chương trình ươm tạo/vườn ươm dự án khởi nghiệp có thể nhận sự hưởng ứng tích cực ở Thừa Thiên Huế, đặc biệt là ở Đại học Huế.

3.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Bảng 2: Kiểm định độ tin cậy thang đo

Thang đo	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến	Giá trị trung bình	Nguồn tham khảo
1. Hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp (ĐTTC): Cronbach's Alpha biến tổng = 0,807				
Thiết kế vòng đời phát triển ý tưởng/dự án.	0,632	0,758	4,28	Wassim J. Aloulou (2021) [6].
Thiết kế chân dung khách hàng.	0,569	0,777	4,19	Hanadi Mubarak Al-

Xác định mục tiêu theo mô hình SMART.	0,596	0,768	4,24	Mubaraki & Michael Busler (2013) [7].
Xây dựng khung mô hình kinh doanh.	0,652	0,753	4,23	
Xây dựng tài liệu thuyết trình gọi vốn đầu tư.	0,533	0,790	4,22	
2. Hoạt động đào tạo kỹ năng chuyên sâu (ĐTK): Cronbach's Alpha biến tổng = 0,801				
Phương pháp nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược doanh nghiệp.	0,645	0,736	4,06	Bùi Anh Tuấn & Lê Thị Thu Hà (2020) [15].
Chiến lược đưa sản phẩm ra thị trường.	0,638	0,740	4,22	Ijaz A. Qureshi, Sara Qaisar & Mike Whitty (2016) [24].
Cách xây dựng đội ngũ nhân viên/đội nhóm sáng lập.	0,624	0,746	4,16	Hanadi Mubarak Al-Mubarak & Michael Busler (2011) [7].
Phương pháp gọi vốn, cách thuyết trình về ý tưởng/dự án hoặc công ty.	0,560	0,783	4,19	
3. Hoạt động cố vấn (CV): Cronbach's Alpha biến tổng = 0,822				
Kết nối với các chuyên gia cao cấp trong và ngoài nước.	0,703	0,728	4,02	Onise Alpenidze & cs (2019) [17].
Kết nối với CEO các doanh nghiệp.	0,716	0,715	4,13	Colin Barrow (2001) [18].
Kết nối với các chuyên gia trong trường đại học.	0,614	0,817	4,07	Johan Bruneel & cs (2012) [19]. Nirnaya Tripathi & Markku Oivo (2020) [20].
4. Cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ (DV): Cronbach's Alpha biến tổng = 0,854				
Cung cấp dịch vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (cải tiến sản phẩm, thử nghiệm thị trường, khai thác các cơ hội kinh doanh, phát triển quan hệ đối tác với các doanh nghiệp khác).	0,655	0,826	4,21	Allen, David N. & Rahman, Syedur (1985) [21].
Giới thiệu, làm cầu nối tiếp xúc các nhà đầu tư, tổ chức tài chính nhằm tìm kiếm nguồn vốn phát triển kinh doanh.	0,623	0,837	4,18	Hansen, Morten. T & cs (2000) [22]. Võ Thị Thu Hương (2012) [23].
Hỗ trợ kết nối các chuyên gia tư vấn về kinh doanh, marketing, pháp lý, tài chính, đầu tư...	0,684	0,819	4,26	

Hỗ trợ đăng ký nhận dạng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ...	0,730	0,809	4,21	
Hỗ trợ văn phòng làm việc, chia sẻ sử dụng phòng họp và các trang thiết bị phục vụ cho công việc.	0,654	0,827	4,28	
5. Quyết định tham gia ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp (Q): Cronbach's Alpha biến tổng = 0,859				
Mở rộng mối quan hệ với mạng lưới hệ sinh thái khởi nghiệp, nắm bắt cơ hội kinh doanh.	0,642	0,836	4,34	
Gia tăng các nguồn vốn đầu tư cho kinh doanh.	0,693	0,827	4,25	
Phát triển năng lực và tăng khả năng thành công khi thực hiện ý tưởng/dự án khởi nghiệp.	0,662	0,832	4,31	Nhóm tác giả, đã được tiến hành nghiên cứu định tính trước khi thực hiện kiểm chứng định lượng trên các biến đo lường này.
Sẵn sàng đóng góp ý kiến để chương trình ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp cải thiện tốt hơn.	0,593	0,845	4,28	
Sẽ giới thiệu người thân, bạn bè, đồng nghiệp tham gia chương trình ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp.	0,635	0,837	4,37	
Sẽ tham gia chương trình ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp khi có nhu cầu.	0,669	0,831	4,32	

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu 436 đối tượng tại Thừa Thiên Huế, 2022)

3.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) bằng phương pháp xoay (Promax)

- *Đối với các biến độc lập:* Kết quả cho thấy 17 biến quan sát ban đầu được nhóm thành 4 nhóm. Giá trị tổng phương sai trích = 63,836% > 50% là đạt yêu cầu, khi đó có thể nói rằng 4 nhân tố này giải thích 63,836% biến thiên của dữ liệu. Giá trị hệ số Eigenvalues của các nhân tố đều cao (>1), nhân tố thứ 4 có Eigenvalues thấp nhất là 1,209 > 1.

- *Đối với biến phụ thuộc*: Kết quả phân tích EFA của nhân tố với thang đo quyết định tham gia urom tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp cho thấy thang đo này đạt giá trị. Cụ thể, 6 biến quan sát của thang đo tạo thành một nhân tố duy nhất tại điểm dừng Eigenvalue là 3,525 > 1, có tổng phương sai trích = 58,755% (> 50%) cho thấy thang đo giải thích được 58,755% dữ liệu, hệ số tải nhân tố của các biến đều lớn hơn 0,3, hệ số KMO = 0,820 > 0,5 nên phân tích EFA phù hợp với dữ liệu, thống kê Chi-Square của kiểm định Bartlett đạt giá trị 1151,987 với mức ý nghĩa Sig = 0,000 < 0,05 cho thấy các biến quan sát tương quan với nhau. Do vậy thang đo được chấp nhận.

3.4. Phân tích tương quan hệ số Person

Bảng 3: Bảng ma trận tương quan theo hệ số Person

	Tương quan Pearson	Q	ĐTC	ĐTK	CV	DV
Q	Hệ số tương quan	1				
	Giá trị p					
ĐTC	Hệ số tương quan	,706**	1			
	Giá trị p	,000				
ĐTK	Hệ số tương quan	,213**	,178**	1		
	Giá trị p	,000	,000			
CV	Hệ số tương quan	,487**	,508**	,098**	1	
	Giá trị p	,000	,000	,041		
DV	Hệ số tương quan	,348**	,307**	,096	,341*	1
	Giá trị p	,000	,000	,046	,000	

(Nguồn: Phân tích tổng hợp của tác giả, 2022)

Ký hiệu ** ở bảng trên cho biết rằng cặp biến này có sự tương quan tuyến tính ở mức tin cậy đến 99% (tương ứng mức ý nghĩa 1% = 0,01). Ký hiệu * cho biết rằng cặp biến này có sự tương quan tuyến tính ở mức tin cậy đến 95% (tương ứng mức ý nghĩa 5% = 0,05).

Từ bảng trên cho thấy, biến Quyết định tham gia urom tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp (Q) và các biến độc lập bao gồm: Hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp (ĐTC), Hoạt động đào tạo kỹ năng chuyên sâu (ĐTK), Hoạt động cố vấn (CV), Cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ (DV) đều có giá trị p < 0,05 nên hệ số tương quan r có ý nghĩa thống kê nghĩa là có sự tương quan giữa các biến độc lập này với biến phụ thuộc ở mức tin cậy 99%. Dựa vào hệ số tương quan r có thể kết luận: Biến Hoạt động đào tạo kỹ năng chuyên sâu (ĐTK) có mối tương quan yếu với biến Quyết định tham gia urom tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp (Q) do có r = 0,213 nằm trong khoảng $0,0 \leq |r| < 0,3$; biến Hoạt động cố vấn (CV) và biến Cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ (DV) có mối tương quan trung bình với biến Quyết định tham gia urom tạo ý

tường/dự án khởi nghiệp (Q) do có r nằm trong khoảng $0,3 \leq |r| < 0,5$; biến Hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp (ĐTK) có mối tương quan rất mạnh với biến Quyết định tham gia ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp (Q) do có $r = 0,706$ nằm trong khoảng $0,7 \leq |r| < 1,0$.

3.5. Phân tích hồi quy đa biến

Bảng 4: Kết quả hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa Beta	Thống kê T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến		
	B	Độ lệch chuẩn				Độ chấp nhận của biến (Tolerance)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)	
1	Hằng số	0,910	0,184		4,935	0,000		
	ĐTC	0,524	0,035	0,583	15,008	0,000	0,708	1,413
	ĐTK	0,077	0,030	0,084	2,540	0,011	0,967	1,035
	CV	0,112	0,030	0,145	3,715	0,000	0,704	1,420
	DV	0,097	0,031	0,112	3,162	0,002	0,858	1,166

(Nguồn: Phân tích tổng hợp của tác giả, 2022)

Từ các phân tích trên cho thấy cả 4 yếu tố đều ảnh hưởng đến quyết định tham gia ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp của các đối tượng nghiên cứu và có ý nghĩa trong mô hình, Sig. của các biến đều $< 0,05$ nên các biến độc lập có quan hệ hồi quy với biến Q.

Hệ số phóng đại phương sai (VIF) của từng yếu tố có giá trị nhỏ hơn 2 chứng tỏ mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến (các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau).

Biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa cho thấy phân phối của phần dư có giá trị trung bình $= -6,85E - 15 \approx 0$ và độ lệch chuẩn $= 0,995 \approx 1$. Mặt khác, biểu đồ P-lot cho thấy các chấm điểm phân tán sát với đường chéo, phân phối chuẩn có phần dư có thể xem như chuẩn. Do đó, có thể kết luận rằng giả thuyết phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.

Qua phương trình hồi quy bội (*) cho thấy yếu tố tác động mạnh nhất đến quyết định tham gia ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp của các đối tượng nghiên cứu là Hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp (ĐTK) có hệ số $\beta_1 = 0,583$ cao nhất và Sig. = 0,000 (có ý nghĩa

thống kê), điều này có ý nghĩa là khi các yếu tố khác không đổi, nếu Hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp (ĐTC) tăng lên 1 đơn vị thì Quyết định tham gia ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp (Q) tăng lên 0,583 đơn vị.

Điều này có thể chứng minh qua một cuộc khảo sát được thực hiện ở Bỉ và Phần Lan để xem xét tác động của trình độ học vấn như các kiến thức về khách hàng, mô hình kinh doanh, nắm bắt tài liệu liên quan trong quá trình khởi nghiệp đối với khả năng thành lập một công ty khởi nghiệp. Đây là những yếu tố quan trọng có tác động mạnh mẽ đến quá trình quyết định trở thành một doanh nhân của mỗi cá nhân. Kết quả cho thấy khả năng tham gia vào hoạt động khởi động có tương quan thuận như thế nào với cơ sở kiến thức hiện tại của cá nhân và mức độ tiếp xúc của cá nhân với kiến thức bên ngoài. Nghiên cứu của Lin (2016) đã chứng minh rằng việc tham gia vào hoạt động đào tạo khởi nghiệp có sự tác động đáng kể đối với quyết định tham gia vào lĩnh vực này. Nghiên cứu của Aloulou và Wassim J cũng chứng minh rằng hầu hết một trong những dịch vụ của vườn ươm phổ biến là trợ giúp các kiến thức cơ bản trong đó có đào tạo xây dựng mô hình kinh doanh, trợ giúp nâng cao kỹ năng thuyết trình [6].

Yếu tố tác động mạnh thứ hai là Hoạt động cố vấn (CV) có hệ số $\beta_2 = 0,145$ và Sig. = 0,000. Phát hiện của nhóm nghiên cứu Onise Alpenidze cũng cho rằng đào tạo và cố vấn là chiến lược chính hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp để có thể tồn tại qua giai đoạn khởi động và giai đoạn tăng trưởng [17]. Ở nghiên cứu của Johan Bruneel và cộng sự cũng đã chứng minh tầm quan trọng và vai trò của các nhà cố vấn có năng lực chuyên môn, phù hợp song hành cùng các startup tại các trung tâm đổi mới, ươm tạo qua các thể hệ vườn ươm khác nhau. Mục đích cuối cùng cũng là hỗ trợ và nâng cao nhận thức, kiến thức về khởi nghiệp cho các startup phát triển trong từng giai đoạn ươm tạo [19]. Nghiên cứu của Nirnaya Tripathi và Markku Oivo cũng chứng minh cố vấn khởi nghiệp là người hướng dẫn và huấn luyện những người sáng lập khởi nghiệp và các thành viên trong nhóm để đạt được các kỹ năng cần thiết cho việc kinh doanh và phát triển sản phẩm [20], [21].

Yếu tố tác động mạnh thứ ba là Cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ (DV) có hệ số $\beta_3 = 0,112$ và Sig. = 0,002. Nghiên cứu của Allen và Rahman cho rằng vườn ươm là một tổ chức ít nhiều phải đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm nuôi dưỡng các startup được ươm tạo cùng với các nguồn lực quan trọng để các startup có thể tồn tại và phát triển [21]. Hoạt động ươm tạo có thể cung cấp cho các startup các nguồn lực như văn phòng, tư vấn và các dịch vụ cơ bản khác [22].

Yếu tố tác động mạnh thứ tư là Hoạt động đào tạo kỹ năng chuyên sâu (ĐTK) có hệ số $\beta_4 = 0,084$ và Sig. = 0,011. Các nhóm tác giả Colombo và Grilli, Davidsson và Honig cũng cho rằng, các buổi đào tạo về các chủ đề liên quan đến khởi nghiệp có thể góp phần nâng cao kiến thức

của các startup và tác động tích cực đến sự phát triển và hiệu suất hoạt động của dự án [8], [9], [10], [19]. Các vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cung cấp đào tạo về các kiến thức hỗ trợ phát triển dự án, thực hành các hoạt động về quản lý nhân sự, đào tạo các kỹ thuật, kỹ năng và chia sẻ kinh nghiệm về các chiến lược kinh doanh để có tư duy phản biện thành công trong kinh doanh [16].

4. Kết luận và đề xuất

4.1. Kết luận

Nghiên cứu đã xác định được các yếu tố và mức độ tác động của từng yếu tố đến quyết định tham gia ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp của các đối tượng có sở hữu ý tưởng/dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc các đối tượng có sở hữu ý tưởng/dự án khởi nghiệp từ sản phẩm khoa học và công nghệ từ Đại học Huế. Qua phân tích 4 yếu tố bao gồm: Hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp; hoạt động đào tạo kỹ năng chuyên sâu; hoạt động cố vấn; cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ, kết quả cho thấy cả 4 yếu tố tác động đến quyết định tham gia ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp của các đối tượng nghiên cứu và mức độ giảm dần theo thứ tự sau: Hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp; hoạt động cố vấn; cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ; hoạt động đào tạo kỹ năng chuyên sâu. Kết quả thu thập được phân tích thông qua thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha sau đó đánh giá chính thức thang đo bằng phân tích nhân tố và kiểm định giả thuyết, sau cùng là đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố trong mô hình bằng phương pháp phân tích hồi quy đa biến.

Kết quả thống kê giá trị trung bình của các yếu tố đều trên mức 4 (đồng ý) thể hiện mức độ đánh giá các hoạt động hay các yếu tố xuất hiện trong mô hình là cao, qua đó thể hiện vai trò cũng như tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc tiến hành xây dựng, tổ chức chương trình ươm tạo ý tưởng/dự án khởi nghiệp đối với các đối tượng nghiên cứu để tích cực hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp, ươm tạo, thương mại hóa sản phẩm từ sản phẩm KH&CN, hỗ trợ chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ ở tỉnh Thừa Thiên Huế, đặc biệt là trong Đại học Huế.

Các giai đoạn trong quá trình phát triển dự án khởi nghiệp thông qua kết quả thống kê cho thấy rằng: Các đối tượng khảo sát đang trong giai đoạn ý tưởng chiếm tỷ lệ cao nhất 76,4%; giai đoạn phát triển sản phẩm chiếm tỷ lệ 12,2%; giai đoạn hoàn thiện sản phẩm mẫu 2,5%;

1,6% đang trong giai đoạn tăng trưởng doanh thu trong 6 tháng và 0,5% có nhu cầu gọi vốn bổ sung. Qua đó có thể nhận thấy rằng, tuy tỷ lệ đang trong giai đoạn có ý tưởng cao chiếm đến 76,4% nhưng các giai đoạn khác từ phát triển sản phẩm đến gọi vốn bổ sung vẫn chiếm tỷ lệ khá tiềm năng 23,6%, đây là một dấu hiệu khá vui mừng cho các tổ chức ươm tạo liên hệ và hỗ trợ cho nhóm đối tượng này có được những cơ hội để phát triển thành sản phẩm có khả năng thương mại hóa ra thị trường.

Một số hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu này có thể không bắt kịp sự thay đổi liên tục của bối cảnh môi trường khởi nghiệp theo thời gian. Nghiên cứu cũng chưa xem xét các yếu tố bên ngoài như tình hình kinh tế hoặc chính sách chính phủ có thể ảnh hưởng đến quyết định tham gia chương trình ươm tạo khởi nghiệp.

Nghiên cứu chỉ tập trung vào các yếu tố tác động đến quyết định tham gia chương trình ươm tạo của các dự án khởi nghiệp mà chưa xem xét đến các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của chương trình ươm tạo, chẳng hạn như chất lượng đào tạo, hỗ trợ của cố vấn, cơ hội kết nối với các nhà đầu tư... Để đánh giá hiệu quả của chương trình ươm tạo một cách toàn diện, cần nghiên cứu thêm các yếu tố này.

4.2. Đề xuất

Đối với hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp là hoạt động rất cần thiết trong quá trình phát triển dự án khởi nghiệp của các đối tượng, sự xuất hiện của yếu tố này trong chương trình ươm tạo sẽ thu hút sự tham gia của các startup. Các hoạt động đào tạo công cụ hỗ trợ khởi nghiệp bao gồm đào tạo các khóa về thiết kế vòng đời phát triển dự án, thiết kế chân dung khách hàng, xác định được mục tiêu và mô hình kinh doanh phù hợp, xây dựng được tài liệu thuyết trình gọi vốn đầu tư thuyết phục – đây cũng là bước đầu rất cần thiết để các startup có một bước đệm vững chắc trong quá trình phát triển dự án của mình, để dự án đi đúng hướng và đúng mục tiêu đặt ra.

Đối với hoạt động đào tạo kỹ năng chuyên sâu

Các hoạt động đào tạo này nghiêng về nghiên cứu thị trường và cách đưa ra các chiến lược liên quan đến marketing, song song với đó là phương pháp gọi vốn, thuyết trình về sản phẩm của mình để thu hút khách hàng và các nhà đầu tư. Các buổi huấn luyện có những nội dung về thực hành trên chính ý tưởng/dự án của mình, mỗi ý tưởng/dự án sẽ phân thành từng nhóm và thực hiện dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia giảng dạy. Thậm chí nên có các buổi

hỗ trợ phỏng vấn người tiêu dùng, tiếp cận khách hàng, định hướng phát triển sản phẩm trên thị trường, xây dựng kênh quảng bá sản phẩm... Tổ chức các workshop gặp gỡ các CEO thành công trên các tỉnh thành của cả nước để trau dồi thêm kinh nghiệm và phát triển mối quan hệ cho các startup.

Đối với hoạt động cố vấn

Song song với việc tổ chức huấn luyện qua các khóa đào tạo với các nội dung liên quan đến công cụ hỗ trợ khởi nghiệp và các kỹ năng chuyên sâu, mỗi dự án nên được phân công hỗ trợ bởi một nhà cố vấn, sử dụng phương pháp cố vấn 1-1 để tăng hiệu quả phát triển dự án.

Đối với việc cung cấp nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ

Để đạt được mục tiêu hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, ngoài việc hỗ trợ về cơ sở vật chất và phát triển sản phẩm là cần thiết, Vườn ươm cũng cần hỗ trợ về truyền thông, marketing, các dịch vụ kế toán, các thủ tục pháp lý khác như đăng ký nhận dạng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, hướng dẫn các thủ tục đăng ký chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ...

Lời cảm ơn: Đây là kết quả của đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh được ngân sách nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư. Mã số: TTH.2021-KX.03.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê (2020), <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2019/03/DN-NV-2006-2011.pdf>
2. ThS. Vũ Thị Vân, ThS. Vũ Hải Thúy (2020), *Thực trạng hoạt động của doanh nghiệp khởi nghiệp và một số kiến nghị*, truy cập từ diendandoanhnghiep.vn.
3. Nguyễn Thu Thủy (2014), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tiềm năng khởi sự kinh doanh của sinh viên đại học*, Luận án Tiến sĩ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. Cassar, G. (2010), *Are individuals entering self-employment overly optimistic? An empirical test of plans and projections on nascent entrepreneur expectations*, Strategic Management Journal.
5. Davidsson, P., & Honig, B. (2003), *The role of social and human capital among nascent entrepreneurs*, Journal of Business Venturing.
6. Aloulou, Wassim J. (2021), *"Mapping incubation mechanisms in Saudi Arabia: the state of the art and challenges for the future"*, Handbook of Research on Business and Technology Incubation and Acceleration.
7. Al-Mubarak, Hanadi Mubarak. and Busler, Michael. (2013), *The Effect of Business Incubation in Developing Countries*. European Journal of Business and Innovation Research, 1(1), p.19–25.
8. Hansen, D. R., & Mian, S. L. (2018), *Educating the entrepreneurial team: A multi-level perspective on an entrepreneurship education program*, International Small Business Journal.
9. Colombo, M. G., & Grilli, L. (2005), *Founders' human capital and the growth of new technology-based firms: A competence-based view*, Research Policy.
10. Davidsson, P., & Honig, B. (2003), *The role of social and human capital among nascent entrepreneurs*, Journal of Business Venturing.
11. Allen, D. N., & Rahman, S. (1985), *Small business incubators: A positive environment for entrepreneurship*, Journal of Small Business Management.
12. Pals, R. (2009), *Motivations to start a business: A comparison between nascent entrepreneurs and business owners*, International Entrepreneurship and Management Journal.
13. Nirnaya Tripathi, N., & Oivo, M. (2016), *Towards an understanding of startup acceleration programs*, 2016 IEEE 23rd International Conference on Software Analysis, Evolution, and Reengineering (SANER).
14. Pals, Stephanie (2006), *"Factor Determining Success/Failure in Business Incubator - A literature Review of 17 countries: A major Qualifying Report"*, Worcester Polytechnic Institute, p.28–32.
15. Bùi Anh Tuấn, Lê Thị Thu Hà (2020), *"Thúc đẩy vườn ươm khởi nghiệp trong trường đại học"*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Số (1+2).
16. Kline, Theresa (2005), *Psychological testing: A practical approach to design and evaluation*, Sage.
17. Onise Alpenidze, Alexandrina Maria Pauceanu, and Shouvik Sanyal (2019), *"Key success factors for business incubators in Europe: An empirical study"*, Academy of Entrepreneurship Journal, p.1–13.

18. Barrow, C. (2001), *Incubator: A Realist's Guide to the World's New Business Accelerators*, John Wiley & Sons Ltd., West Sussex, UK.
19. Bruneel, Johan., Ratinho, Tiago., Clarysse, Bart., & Groen, Aard (2012), *The Evolution of Business Incubators: Comparing demand and supply of business incubation services across different incubator generations*, *Technovation*, 32(2), p.110–121.
20. Tripathi, Nirnaya., Oivo, Markku (2020), *The roles of incubators, accelerators, co-working spaces, mentors, and events in the startup development process*, In *Fundamentals of Software Startups*. Springer, Cham, p.147–159.
21. Allen, David N., & Rahman, Syedur (1985), *Small business incubators: a positive environment for entrepreneurship*, *Journal of Small Business Management*, 23(3), p.12–22.
22. Hansen, Morten. T., Chesbrough, H. W., Nohria, N., & Sull, D. N. (2000), *Networked incubators - hothouses of the new economy*, *Harvard Business Review*, 78(5), 74.
23. Võ Thị Thu Hương (2012), *"Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của vườn ươm doanh nghiệp khoa học – công nghệ ở Việt Nam và đề xuất cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long"*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
24. Ijaz A. Qureshi., Sara Qaisar and Mike Whitty (2016), *An Empirical Study of Technology Business Incubation on Economic Growth of Pakistan*, *European Journal of Business and Management*, Vol.8, No (6).